VAI TRÒ CỦA KINH TẾ BIỂN ĐỐI VỚI KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Duy Thục*, Nguyễn Phương Quỳnh**

Ngày nhận: 21/11/2013
Ngày nhận bản sửa: 24/2/2014
Ngày duyệt đăng: 20/7/2014

Tóm tắt:

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng phát triển và đóng góp của kinh tế biển của Bình Định trong những năm qua, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong phát triển kinh tế biển tỉnh Bình Định. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm phát triển kinh tế biển tỉnh Bình Định thời gian tới.

Từ khóa: vai trò, kinh tế biển, Bình Định

1. Giới thiệu

Tại Hội nghị lần thứ tư khóa X, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: Trong Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, phải phấn đấu để nước ta trở thành một quốc gia mạnh về biển, giàu lên từ biển,… kinh tế biển đóng góp khoảng 53%-55% GDP, 55%-60% kim ngạch xuất khẩu của cả nước… Thực hiện chủ trương chính sách phát triển kinh tế biển của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua, Bình Định đã có nhiều nỗ lực nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế biển. Tuy đã đạt được một số thành công, nhưng những chủ trương chính sách này mới là bước đầu, thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán, chưa tạo môi trường thuận lợi phát huy tiềm năng, lợi thế kinh tế biển của Tỉnh. Trong bài viết này chúng tôi đánh giá vai trò của kinh tế biển với kinh tế Bình Định qua ba ngành kinh tế cấp I: thủy sản, vận tải kho bãi, dịch vụ lưu trú và ăn uống. Từ kết quả phân tích, chúng tôi đề xuất một số giải pháp cho phát triển kinh tế biển tỉnh Bình Định.

2. Lý luận về phát triển kinh tế biển

Trong nghiên cứu của Pat Mullins (1991), sự tập trung phát triển kinh tế biển của các chính phủ trong những năm gần đây đã tạo ra một lượng lớn nhà ở mới, dân số tăng nhanh chóng và kéo theo đó là sự tăng giá của đất đai và nhà ở. Nghiên cứu này cũng chỉ ra các đặc điểm chung của các khu vực kinh tế ven biển ở các nước đang phát triển là thu nhập bình quân đầu người thấp, mức độ phụ thuộc vào phúc lợi xã hội lớn, đầu tư thương mại thấp và tỷ lệ thất nghiệp cao.

Một quan điểm khác liên quan đến quá trình phát triển đô thị và khu vực biển được phát triển bởi Thompson (1968). Dựa trên lịch sử đô thị cũng như một số ý tưởng về cơ sở kinh tế cộng đồng, ông cho rằng các thành phố và khu vực biển trải qua 5 giai đoạn phát triển sau:

(i). Chuyên môn hoá xuất khẩu (Export Specialisation)

(ii). Xuất khẩu phức hợp (Export Complex)

(iii). Kinh tế hoàn thiện (Economic Maturation)

(iv). Đô thị hoá khu vực (Regional Metropolis)

(v). Kỹ thuật chuyên nghiệp (Technical and Professional Virtuosity)

Khu vực đang phát triển ở giai đoạn 1 phụ thuộc và phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ của nhà nước, quốc gia và quốc tế.

Chuyển sang giai đoạn phức hợp, việc xuất khẩu sản xuất "mở rộng và liên quan sâu sắc đến các lĩnh

vực khác". Đặc điểm của nền kinh tế trong giai đoạn này là sự phát triển của các "khu công nghiệp" và hình thành nên "nhóm" của các công ty có liên quan đến nhau trong chuỗi cung ứng hàng hoá" (Scott, 2001).

Một địa phương được coi là đang phát triển ở giai đoạn kinh tế hoàn thiện khi có thể thay thế nhập khẩu với các sản phẩm riêng của mình.

Giai đoạn cuối cùng của sự phát triển là "kỹ thuật chuyên nghiệp", sự phát triển kỹ năng ở một số dịch vụ hoặc khu vực sản xuất đã biến thành phố trở thành một bộ phận không thể thiếu trong mạng lưới toàn cầu. Kết quả là sự chuyên môn hoá toàn cầu như London và New York chuyên về tài chính, Paris và Milan chuyên về thời trang, thung lũng Silicon đi đầu về công nghệ thông tin.

Trong bài viết này, thông qua việc đánh giá thực trạng của kinh tế biển tỉnh Bình Định, chúng tôi xác định Bình Định đang ở giai đoạn nào của sự phát triển và đề xuất các giải pháp phù hợp cho tỉnh.

Kinh tế biển hiểu một cách tổng quát nhất bao gồm toàn bộ các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển và các hoạt động kinh tế diễn ra trên đất liền, nhưng trực tiếp liên quan đến khai thác và sử dụng tài nguyên biển. Kinh tế biển bao gồm:

- Các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển, chủ yếu bao gồm: (i) Kinh tế hàng hải (vận tải biển và dịch vụ cảng biển); (ii) Hải sản (đánh bắt và nuôi trồng hải sản); (iii) Khai thác dầu khí ngoài khơi; (iv) Du lịch biển; (v) Làm muối; (vi) Dịch vụ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; và (vii) Kinh tế đảo.

- Các hoạt động kinh tế trực tiếp liên quan đến khai thác và sử dụng tài nguyên biển, mặc dù không diễn ra trên biển nhưng những hoạt động kinh tế này phải dựa vào yếu tố biển hoặc trực tiếp phục vụ các hoạt động kinh tế biển ở dải đất liền ven biển, bao gồm: (i) Đóng và sửa chữa tàu biển; (ii) Công nghiệp chế biến dầu, khí; (iii) Công nghiệp chế biến thuỷ, hải sản; (iv) Cung cấp dịch vụ biển; (v) Thông tin liên lạc biển; (vi) Nghiên cứu khoa học - công nghệ biển; (vii) Đào tạo nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển; và (viii) Điều tra cơ bản về tài nguyên - môi trường biển.

Tuy nhiên, do sự phát triển của một số ngành kinh tế biển ở Bình Định còn hạn chế và do về số liệu thống kê Bình Định, nên trong nghiên cứu này chúng tôi đi sâu nghiên cứu một số ngành kinh tế cấp I sau đây của tỉnh Bình Định:

- Vận tải kho bãi

- Thủy sản

- Dịch vụ lưu trú và ăn uống.

Về thời gian nghiên cứu, chúng tôi xem xét trong khoảng thời gian 2000-2012, đề xuất giải pháp và tầm nhìn đến năm 2020. Trong bài viết này chúng tôi sử dụng các số liệu trong Niên giám thống kê Bình Định và sử dụng các phương pháp thống kê và hạch toán tăng trưởng để phân tích.

3. Thực trạng phát triển kinh tế biển của Bình Định giai đoạn 2000-2012

3.1. Tiềm năng phát triển kinh tế biển tỉnh Bình Định

Tiềm năng giao thông vận tải kho bãi

Bình Định có hệ thống giao thông khá đồng bộ, đó là một trong những yếu tố cơ bản hàng đầu để tỉnh phát triển kinh tế. Tỉnh có quốc lộ 1A chạy dọc khắp chiều dài tỉnh. Đặc biệt, tuyến quốc lộ Quy Nhơn - Sông Cầu mới được đưa vào sử dụng năm 2002 đã làm cho bộ mặt thành phố Quy Nhơn thay đổi to lớn. Quốc lộ 19 nối cảng Quy Nhơn với Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia tạo điều kiện tốt để vận chuyển hàng hoá, hợp tác, giao lưu kinh tế với các khu vực này. Hệ thống giao thông nội tỉnh được đầu tư nâng cấp ngày càng hoàn chỉnh, cộng với tỉnh lộ ven biển từ Quy Nhơn đến Tam Quan, bảo đảm giao thông thông suốt giữa các vùng: miền núi, đồng bằng và ven biển.

Đường sắt Bắc-Nam qua địa phận tỉnh dài 149 km, với ga Diêu Trì là một trong sáu ga lớn trong tuyến đường sắt xuyên Việt, phục vụ vận tải không chỉ cho Bình Định, mà còn cho cả các tỉnh Tây Nguyên như Gia Lai, Kon tum.

Sân bay Phù Cát cách thành phố Quy Nhơn 30 km về phía Bắc, hàng ngày có các chuyến bay nối với thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội rất thuận tiện cho vận tải hàng không của tỉnh.

Đặc biệt, tỉnh Bình Định có cảng biển quốc tế Quy Nhơn là một trong những cảng biển lớn của Việt Nam, với ưu thế là neo đậu kín gió, mực nước sâu có thể đón tầu trọng tải 30.000 tấn vào an toàn. Cảng Quy Nhơn chỉ cách phao số 0 khoảng 5 hải lý, gần tuyến đường hàng hải quốc tế nên rất thuận tiện cho tàu biển nước ngoài ra vào. Ngoài ra tỉnh Bình Định đang xây dựng thêm một cảng lớn nằm trong khu kinh tế Nhơn Hội.

Tiềm năng thủy sản

Bình Định có chiều dài bờ biển 134 km với 5 cửa lạch trong đó 3 cửa lạch trọng yếu là: Qui Nhơn, Tam Quan và Đề Gi. Bờ biển Bình Định song song với hướng kinh tuyến. Các đường đẳng sâu 200 m-

100 m-50 m chạy rất sát bờ và sát nhau nên nguồn lợi cá đáy ít và chủ yếu là nguồn lợi cá nổi. Vùng biển Bình Định đã phát hiện trên 500 loại cá trong đó có 38 loài cá có giá trị kinh tế.

Nguồn lợi sinh vật biển tuy không có những vùng mật độ tập trung cao nhưng cũng là một ngư trường nổi tiếng về cá ngừ. Bình Định có nhiều đầm, vịnh kín đáo, rất thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển nuôi trồng thủy sản như tôm, rong câu, cá biển, và các đặc sản xuất khẩu. Bình Định có số lượng tàu thuyền khá lớn so với các tỉnh trong nước, có khả năng di chuyển ngư trường để khai thác, đánh bắt xa bờ quanh năm.

Tiềm năng du lịch

Bình Định có nguồn tài nguyên tự nhiên, lịch sử và nhân văn phong phú để phát triển du lịch với nhiều danh lam thắng cảnh, hội tụ đầy đủ các yếu tố để phát triển du lịch. Với bờ biển dài có nhiều bãi tắm đẹp: bãi biển Quy Nhơn, Tam Quan, Tân Thanh, Trung Lương, Vĩnh Hội… thuận lợi cho việc phát triển du lịch biển đảo. Dọc ven bờ biển Bình Định còn có khoảng 32 đảo lớn với 10 cụm hải đảo với những hòn đảo nổi tiếng: đảo Cù lao xanh, đảo Hòn Đất, đảo Hòn Khô, đảo Hòn tranh, đảo Hòn rùa… là những điểm đến rất thú vị cho khách du lịch.

Bình Định còn là nơi địa linh nhân kiệt, với nhiều di tích về anh hùng Nguyễn Huệ và phong trào Tây Sơn như: Nhà bảo tàng Quang Trung; Căn cứ địa nghĩa quân Tây Sơn; Gò đá đen; Bến trường trầu; Từ đường Võ Văn Dũng; Từ đường Bùi Thị Xuân; Phủ thành Quy Nhơn; Tân phủ Càn Dương; Thành Hoàng Đế… Bình Định còn là quê hương của các danh nhân, các nhà thơ nổi tiếng như: Đào Tấn, Hàn Mạc Tử, Chế Lan Viên… Đồng thời nơi đây còn là kinh đô của vương quốc Cham Pa với nhiều di tích lịch sử - văn hóa còn lại sẽ rất thích hợp cho các hoạt động tham quan du lịch.

Bình Định còn được biết đến với các đặc sản ẩm thực nổi tiếng như: Yến sào, Dừa Tam Quan, Rượu Bàu đá, Bánh ít lá gai, Bánh tráng dừa…

Với các tiềm năng du lịch độc đáo, nếu có sự đầu tư bài bản, chắc chắn du lịch Bình Định sẽ có chỗ đứng xứng đáng trong bản đồ du lịch của Việt Nam.

Sự phát triển kinh tế Bình Định

Trong những qua, kinh tế Bình Định có mức tăng trưởng khá: thời kỳ 2001-2005 tăng trưởng trung bình đạt 9%/năm, thời 2006-2010 có tăng trưởng trung bình 10,8%/năm. Tổng sản phẩm trong tỉnh năm 2012 theo giá so sánh 1994 ước đạt 11.159 tỷ đồng, tăng 8,37% so với cùng kỳ.

Mặc dù chịu ảnh hưởng suy thoái của kinh tế toàn cầu, nhưng tăng trưởng kinh tế Bình Định vẫn đạt mức khá, năm 2011 đạt 9,8%, năm 2012 đạt 8,4%. Qua bảng 1, ta thấy tăng trưởng kinh tế Bình Định cao hơn mức tăng của cả nước nhưng lại thấp hơn trung bình khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung (KVKTTĐMT). Với xuất phát điểm về kinh tế thấp(GDP/người), phát triển kinh tế Bình Định chưa cao, cho nên nguồn vốn tích lũy cho nền kinh tế còn thấp. Đây cũng là một rào cản để đầu tư phát triển mạnh kinh tế biển Bình Định.

Nguồn nhân lực

Với dân số trung bình năm 2012 là 1.501.800 người, trong đó 69,19% sống ở nông thôn và đặc biệt là có 1.210.600 người sống ở vùng ven biển (chiếm 80,61%). Đây là nguồn lao động dồi dào cho các ngành kinh tế biển của Tỉnh. Người dân Bình Định vốn cần cù chịu khó, có truyền thống làm nghề biển, gắn bó với biển từ lâu đời, có kinh nghiệm, có sức khỏe là những nhân tố quan tế trọng để phát triển kinh tế biển Bình Định.

Ngoài ra, vùng ven biển Bình Định còn là nơi đã tập trung những trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị lớn như: Thành phố Quy Nhơn và thị trấn các huyện: Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ, Tam Quan,… Và khu kinh tế Nhơn Hội. Các trung tâm này cũng góp phần thuận lợi tạo ra các nguồn lực quan trọng: tài chính; khoa học - kỹ thuật, các nguyên vật liệu, dịch vụ… để phát triển kinh tế biển Bình Định.

3.2. Thực trạng phát triển kinh tế biển tỉnh

Bảng 1: Tăng trưởng GDP của Bình Định và cả nước (Đơn vị: %)

	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	TB. 2006-2010
Bình Định	12,1	12,7	10,2	8,7	10,2	9,8	8,4	10,8
Cả nước	8,23	8,46	6,31	5,32	6,8	5,89	5,03	7,01
KV KTTĐMT	11,8	13,5	10,4	12,03	12,01	10,14		11,9

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Bình Định (2012, tr.75); Cục thống kê tỉnh Bình Định (2013, tr.71); Thời báo Kinh tế Việt Nam (2013, tr.79) và tính toán của tác giả.

Bình Định giai đoạn 2000-2012

Đóng góp của kinh tế biển vào tổng sản phẩm (GDP) của tỉnh

Nhìn chung, từ năm 2000 đến nay các ngành kinh tế biển của Bình Định đã có đóng góp lớn cho kinh tế của tỉnh. Thể hiện ở tỷ trọng GDP của các ngành kinh tế biển trong GDP của tỉnh.

Tỷ lệ đóng góp của các ngành kinh tế biển vào GDP của Bình Định tăng dần từ 15,5% năm 2000 đến năm 2005 đã đạt 17,4%, năm 2009 đạt 19%, từ năm 2010 giảm nhẹ.

Hội nghị lần thứ IV Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã thông qua nghị quyết về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển gắn với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn. Theo đó, kinh tế biển đóng góp khoảng 53- 55% GDP, 55 - 60% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Căn cứ vào mục tiêu trên của cả nước, kinh tế biển của Bình Định còn phải phấn đấu rất nhiều.

Tuy đóng góp về quy mô của kinh tế biển Bình Định còn khiêm tốn, nhưng kinh tế biển có mức tăng trưởng khá, các ngành đều có mức tăng cao hơn tăng trưởng GDP của Tỉnh.

Mức tăng trưởng chung của kinh tế biển trung bình thời kỳ 2001-2005 là 10,4%/năm, trong khi đó tăng trưởng trung bình GDP của tỉnh là 8,9%/năm. Tương tự tăng trưởng chung của kinh tế biển trung bình thời kỳ 2006-2010 là 10,9%/năm, trong khi đó tăng trưởng trung bình GDP của tỉnh là 10,8%/năm. Nếu xét cả giai đoạn 2001-2010, mức tăng trưởng chung của kinh tế biển trung bình là 10,7%/năm, thì tốc độ tăng trưởng trung bình GDP của tỉnh là 9,9%/năm. Tăng trưởng trung bình 2010-2012 của kinh tế biển là 11,3%, tăng trưởng GDP Bình Định là 9,6%. Có thể nói các ngành kinh tế biển đã góp phần tích cực vào tốc độ tăng trưởng ở mức khá cao của kinh tế tỉnh Bình Định (Xem bảng 3 và hình 1).

Đóng góp của kinh tế biển vào tăng trưởng kinh tế Bình Định

Kinh tế biển có mức đóng góp cho tăng trưởng kinh tế Bình Định tương đối khá, mức đóng góp cao nhất vào năm 2002 là 24,6%. Đóng góp của kinh tế biển (ĐGKTB) vào tăng trưởng kinh tế Bình Định thời kỳ 2001-2005 là 17,9%, thời kỳ 2006-2010 là 16%, cả giai đoạn 2001-2010 là 16,6%. Nhìn chung, đóng góp vào tăng trưởng của kinh tế biển khá nhưng không có xu hướng tăng, chứng tỏ trong thời gian qua kinh tế biển chưa thực sự phát triển tốt hơn các ngành kinh tế khác của Tỉnh (xem bảng 4).

Bảng 2: Đóng góp cuả kinh tế biển vào GDP Bình Định *(Đơn vị tính: %)*

	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
TS	9,8	10	10	9,9	9,7	9,9	9,5	8,6	9,0	9,5	9,5	9,2	9,5
VTKB	4,1	4,3	4,2	4,4	4,9	5,1	5,7	5,3	4,5	4,6	4,5	5,1	5,1
DVLT	1.6	1,6	1,9	1,9	2,1	2,4	2,5	2,9	4,6	4,9	4,7	3,2	3,4
Tổng số	15,5	15,9	16,1	16,2	16,7	17,4	17,7	16,8	17,8	19,0	18,7	17,5	18,0

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Bình Định (2006, tr.40; 2012, tr.72; 2013, tr.67).
Chú thích: TS- thủy sản, VTKB - vận tải kho bãi, DVLT-dịch vụ lưu trú và ăn uống.

Bảng 3: Tốc độ phát triển kinh tế biển Bình Định

	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
VTKB	1,08	1,09	1,191	1,15	1,17	1,163	1,177	1,16	1,171	1,159	1,201	1,111
TS	1,084	1,137	1,07	1,042	1,067	1,039	1,097	1,138	1,12	1,103	1,085	1,098
DVLT	1,101	1,133	1,076	1,282	1,216	1,162	1,245	1,073	1,123	1,081	1,05	1,117
Kinh tế biển	1,085	1,126	1,101	1,096	1,114	1,092	1,143	1,06	1,128	1,117	1,116	1,106
GDP Bình Định	1,058	1,077	1,094	1,106	1,111	1,121	1,127	1,102	1,087	1,102	1,103	1,084

	VTKB	DVLT	TS	Kinh tế biển	GDP BĐ
Tăng trưởng TB 2001-2005 (%)	13,6	15,9	8,0	10,4	8,9
Tăng trưởng TB 2006-2010 (%)	11,5	13,5	9,9	10,9	10,8
Tăng trưởng TB 2001-2010 (%)	12,6	14,7	8,9	10,7	9,9
Tăng trưởng TB 2010-2012 (%)	15,6	8,2	9,5	11,3	9,6

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Bình Định (2006, tr.43; 2012, tr.75), và tính toán của tác giả

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng trung bình kinh tế biển Bình Định *(Đơn vị tính %)*

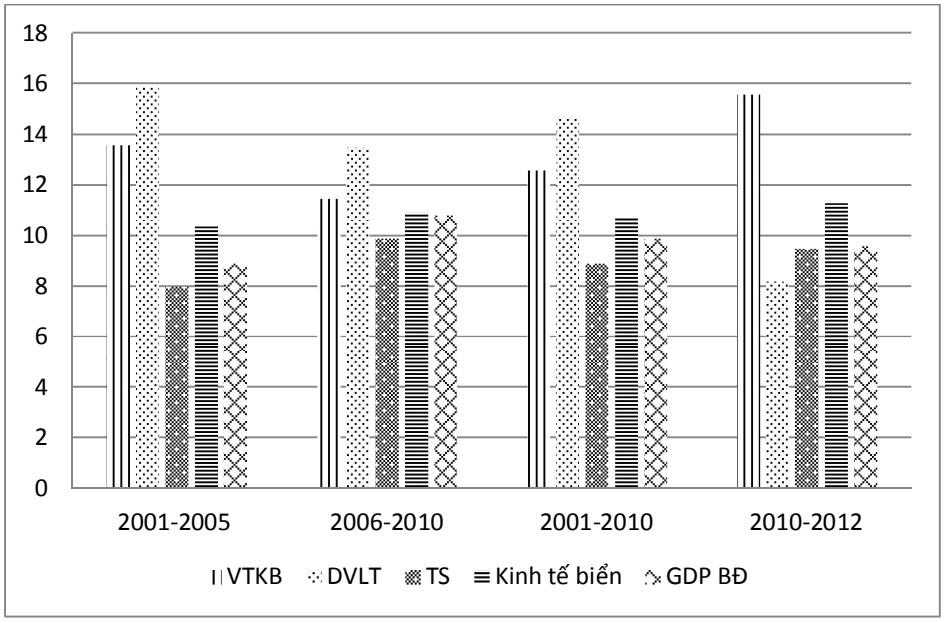

Bảng 4: Đóng góp của kinh tế biển vào tăng trưởng kinh tế Bình Định

Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
GDPBss	541,1	587,165	660,883	727,85	797,69	888,7	970,5	1108,8	1174,4	1333,2	1489	1661,8	1838,1
ΔGDPB		46,064	73,718	66,964	69,84	91,013	81,8	138,3	65,6	158,8	155,8	172,8	176,3
GDPss	3661,3	3873,9	4173,6	4565,4	5047,3	5607,7	6287,6	7086,4	7810,7	8494,1	9364,3	1032.9	11192,2
ΔGDP		212,6	299,7	391,8	481,9	560,4	679,9	798,8	724,3	683,4	870,2	960.6	867,3
ĐGKTB (%)		21,7	24,6	17,1	14,5	16,2	12,0	17,3	9,1	23,2	17,9	18,0	20,3
Thời kỳ 2001-2005 là: 17,9%													
Thời kỳ 2006-2010 là: 16,0%													
Thời kỳ 2001-2010 là: 16,6%													

Nguồn:Ttính toán của tác giả từ nguồn số liệu Cục thống kê Tỉnh Bình Định(2006; 2012; 2013).
Ghi chú: GDPB- GDP kinh tế biển và GDP giá so sánh 1994 (tỷ đồng); ĐGKTB: Đóng góp của kinh tế biển

Hiệu quả kinh tế biển

Đánh giá về hiệu quả kinh tế của kinh tế biển Bình Định trong nghiên cứu này chúng tôi đánh giá ở hai khía cạnh: năng suất lao động và hiệu quả đầu tư.

Hiệu quả đầu tư

Để đánh giá hiệu quả của đầu tư, người ta thường sử dụng một số chỉ tiêu như: Tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP (%) và hệ số ICOR. Trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng chỉ tiêu tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP (%) để đánh giá hiệu quả đầu tư của các ngành kinh tế biển.

Về tỷ lệ đầu tư so với GDP của kinh tế biển có xu hướng cao hơn mức chung của kinh tế Bình Định, lý do là ngành vận tải kho bãi là ngành luôn đòi hỏi mức đầu tư cao. Cho nên, nếu xem xét ở khía cạnh này thì kinh tế biển chưa thực sự có hiệu quả hơn các ngành kinh tế khác của Tỉnh (xem bảng 5).

Về năng suất lao động

Trong phạm vi của nghiên cứu này, chúng tôi chỉ đánh giá năng suất lao động theo GDP thực tế.

Nhìn chung, năng suất lao động (NSLĐ) của các ngành kinh tế biển đều cao hơn năng suất lao động chung của kinh tế Bình Định, cao nhất là ngành vận tải kho bãi (VTKB), tiếp đến là dịch vụ lưu trú và ăn uống (DVLT) sau đó là thủy sản (TS). Năm 2001, năng suất lao động của kinh tế biển là 14,1 triệu đồng, năng suất lao động chung của kinh tế Bình Định (KTBĐ) là 6,9 triệu đồng. Năm 2011, năng suất lao động của kinh tế biển là 49,89 triệu đồng, trong đó năng suất lao động của ngành vận tải kho bãi là 66,41 triệu đồng, ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống 41,65 triệu đồng, ngành thủy sản 46,7 triệu đồng, trong khi đó năng suất lao động chung của kinh tế Bình Định là 42,0 triệu đồng (xem bảng 5, hình 2).

Đóng góp vào giải quyết việc làm

Bình Định là tỉnh có tỷ trọng dân số ở nông thôn

Bảng 5: Tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP kinh tế biển và kinh tế Bình Định (%)

	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
TS	12,3	10,8	5,6	3,7	10,3	12,5	13,1	12,3	12,5	12,6	13,2	13,2
VTKB	142,97	130,2	128,1	168,7	176,3	209,1	196,6	129,5	98,2	86,98	81,4	84,4
DVLT	0,82	1,5	7,89	5,8	6,3	6,1	5,3	8,7	21,5	37,1	40,66	42,4
KTB	30,8	27,8	28,9	37,6	43,6	55,8	58,5	43,5	37,0	36,98	38,0	38,9
ĐT/GDP Bình Định	44,9	42,67	39,9	38,6	40,27	42,5	42,78	37,1	37,1	38,2	38,7	40,5
ĐT/GDP VIệt Nam	35,4	37,4	39,0	40,7	40,9	41,5	46,5	41,5	42,7	41,9	36,4	33,5

Nguồn: Thời báo Kinh tế Việt Nam (2013, tr.82) và tính toán của tác giả.

Bảng 6: Năng suất lao động kinh tế biển Bình Định (*Đơn vị tính: triệu đồng)*

	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
VTKB	13,9	15,7	17,9	24,3	32,8	41,3	42,2	41,1	44,64	49,89	66,41
DVLT	9,3	12,8	13,7	17,1	16,5	17,1	22,7	29,3	33,5	37,0	41,65
TS	15,6	17,95	19,35	25,08	20,80	21,4	23,2	30,2	34,7	41,4	46,7
KTB	14,1	16,5	18,1	23,5	22,5	16,5	18,6	32,3	36,6	42,3	49,89
KTBĐ	6,86	7,9	8,6	10,5	13,5	25,1	18,4	24,1	26,78	31,9	42,0

Nguồn: Tính toán của tác từ nguồn số liệu Cục thống kê tỉnh Bình Định

Hình 2: So sánh năng suất lao động của kinh tế biển Bình Định và kinh tế Bình Định trong giai đoạn 2001 – 2011 *(Đơn vị tính: triệu đồng)*

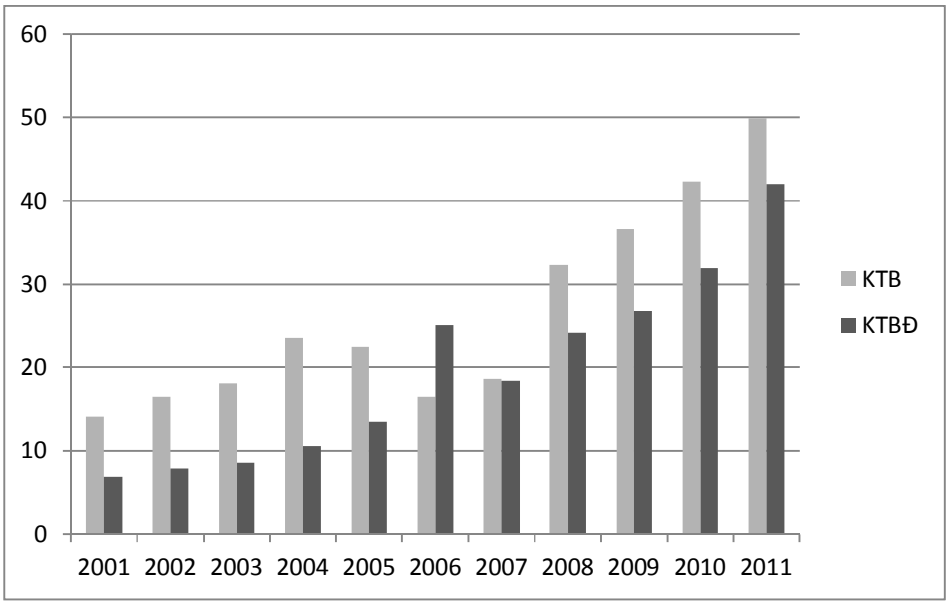

cao (năm 2012 là 69,19%), và thường xuyên thiếu việc làm, thì ngành thủy sản chính là ngành tạo ra nhiều việc làm cho lao động nói chung và lao động nông thôn nói riêng.

Tỷ trọng của lao động trong các ngành kinh tế biển (LĐKTB) tăng dần từ 7,16% năm 2001 đã tăng lên 10,39% năm 2005 và đạt 13,7% năm 2011. Đây cũng là một đóng góp quan trọng của kinh tế biển trong việc giải quyết việc làm cho người lao động. Từ đó sẽ tạo ra thu nhập góp phần xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống nhân dân (xem bảng 7).

Mặt khác, tốc độ phát triển (TĐPT) lao động của kinh tế biển cũng đạt cao hơn tốc độ tăng lao động chung của Tỉnh. Giai đoạn 2001-2011, mức tăng lao động trung bình của kinh tế biển đạt 7,7%/năm, trong khi mức tăng của lao động chung của nền kinh tế Bình Định là 1%/năm. Do tốc độ tăng lao động của kinh tế biển khá cao, nên kinh tế biển còn là ngành có đóng góp quan trọng làm giảm tỷ lệ thất nghiệp của Tỉnh (xem bảng 7).

Bảng 7: Lao động trong các ngành kinh tế biển Bình Định

	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
VTKB	15200	15658	16130	16316	16000	17000	17800	21700	23100	24700	26000
TĐPT		1,030	1,030	1,012	0,981	1,063	1,047	1,219	1,065	1,069	1,053
DVLT	8524	8725	8932	10144	15800	17800	18700	21900	23400	25200	27300
TĐPT		1,024	1,024	1,136	1,558	1,127	1,051	1,171	1,068	1,077	1,083
TS	31486	32437	33417	31486	50900	54000	55000	57600	59900	61100	63133
TĐPT		1,03	1,03	0,94	1,62	1,06	1,02	1,05	1,04	1,02	1,03
LĐKTB	55210	56820	58479	57946	82700	88800	91500	101200	106400	111000	116433
TĐPT		1,80	1,80	1,73	2,63	1,74	1,69	1,84	1,85	1,85	1,05
Tổng LĐ	771258	736590	756043	775187	795743	808800	822100	802700	818300	836200	852900
TĐPT		0,955	1,026	1,025	1,027	1,016	1,016	0,976	1,019	1,022	1,02
Tỷ lệ LĐKTB(%)	7,16	7,71	7,73	7,48	10,39	10,98	11,13	12,60	13,0	13,3	13,7

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Bình Định (2006,tr.25; 2012, tr.40) và tính toán của tác giả

Đóng góp của Thủy sản vào xuất khẩu tỉnh Bình Định

Thủy sản là một trong những mặt hàng xuất khẩu chính của Bình Định. Giá trị và tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu thủy sản có xu hướng ngày càng tăng. Trung bình giai đoạn 2000-2011, giá trị xuất khẩu thủy sản chiếm 8,1% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

Tỷ trọng giá trị xuất khẩu thủy sản của Bình Định tương đối cao so với các ngành khác, và cũng cao hơn tỷ trọng của cả nước. Năm 2000 chiếm 22%, năm 2012 chiếm 9,8% kim ngạch xuất khẩu của Tỉnh. Đây cũng là một đóng góp quan trọng của kinh tế biển vào sự phát triển kinh tế Bình Định (xem bảng 8).

4. Đánh giá chung kinh tế biển của tỉnh Bình Định

Những thành công của kinh tế biển Bình Định

Trong những năm qua, Bình Định đã phát huy được lợi thế về biển nên các ngành kinh tế biển có những bước phát triển mạnh, vững chắc thể hiện ở một số điểm sau:

Thứ nhất, GDP các ngành kinh tế biển chiếm tỷ trọng ngày càng lớn, và có tốc độ tăng nhanh hơn GDP chung của tỉnh. Năng suất lao động của kinh tế biển đạt cao hơn năng suất lao động chung. Kinh tế biển đã tạo ra nhiều việc làm, tận dụng được lợi thế lao động dồi dào của tỉnh nhất là lao động ở khu vực nông thôn. Kinh tế biển cũng đã có đóng góp lớn vào kim ngạch xuất khẩu của Tỉnh.

Thứ hai, Ngành giao thông vận tải kho bãi đã phát huy được lợi thế, nên có những bước phát triển tốt, thể hiện: năng suất lao động của ngành rất cao; hàng hóa thông qua cảng có tốc độ tăng tốt, cảng Quy Nhơn là một trong những cảng làm ăn đạt hiệu quả cao của cả nước.

Thứ ba, Ngành thủy sản đã trở thành mũi nhọn của kinh tế Bình Định, với tốc độ tăng khá, luôn chiếm tỷ trọng lớn trong GDP của Bình Định và giải quyết việc làm thu hút nhiều lao động nông thôn và luôn là ngành có đóng góp lớn cho kim ngạch xuất khẩu của Tỉnh.

Một số hạn chế trong phát triển kinh tế biển của Bình Định

- Mức đóng góp của kinh tế biển trong GDP còn khiêm tốn, đóng góp vào tăng trưởng tăng chậm và chưa tương xứng với điều kiện của một tỉnh có bờ biển dài, nhân lực cho kinh tế biển dồi dào...

- Hiệu quả đầu tư của kinh tế biển còn thấp, thể hiện đầu tư vào kinh tế biển ở Bình Định chưa thật hiệu quả.

- Ngành du lịch của Bình Định phát triển còn chậm, chưa tìm ra được phương hướng khả quan cho sự phát triển.

Bảng 8: Giá trị xuất khẩu thủy sản Bình Định *(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)*

	2000	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
GTXK thủy sản	23	13,9	16,1	25,2	32,9	31,2	38,8	41,1	51,9
Tổng GTXK	103,9	214,9	243,8	327,3	436,8	346,2	427,2	488	528,5
Tỷ trọng (%)	22	6	6,6	7,7	7,5	9,0	9,08	8,4	9,8

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Bình Định (2013, tr.348) và tính toán của tác giả

Các nguyên nhân của những hạn chế trong phát triển kinh tế biển Bình Định

- Do vị trí địa lý xa các trung tâm kinh tế lớn, giao thông còn gặp nhiều khó khăn nên đã hạn chế cho địa phương về thu hút đầu tư, thu hút khách du lịch, thậm chí cả việc thu gom nguyên vật liệu cho chế biến sản phẩm và khó khăn trong cung cấp hàng hóa cho khu vực.

- Tỉnh chưa xây dựng được quy hoạch tổng thể hoàn chỉnh và thực sự phù hợp cho phát triển kinh tế biển. Theo chúng tôi, Tỉnh chưa ý thức hết vai trò của kinh tế biển đối với phát triển kinh tế xã hội của địa phương, các cơ chế chính sách phát triển kinh tế biển chưa đầy đủ và thiếu đồng bộ.

- Tỉnh Bình Định chưa thu hút được các doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực kinh tế biển, nên chưa có những đầu tư lớn về vốn, công nghệ, nhân lực cho phát triển kinh tế biển. Tỉnh chưa có kinh nhiệm về kinh tế biển, nên chưa tạo ra được các đầu tầu trong phát triển kinh tế biển.

Nếu theo cách phân chia các giai đoạn phát triển của Thompson (1968), theo chúng tôi Bình Định đang ở giai đoạn 2 "Xuất khẩu phức hợp" nên Bình Định cần phải nỗ lực rất nhiều để phát triển kinh tế biển.

5. Một số giải pháp phát triển kinh tế biển của Bình Định

Các giải pháp chung

Thứ nhất, Tỉnh cần điều tra chi tiết về điều kiện phát triển kinh tế biển Bình Định, từ đó có quy hoạch tổng thể cho phát triển kinh tế biển một cách khoa học và hiện đại để khai thác vùng không gian biển (mặt biển, dưới biển và bầu trời trên biển), khai thác vùng bờ biển (vùng duyên hải với các cảng biển, bãi biển, thành phố biển, khu kinh tế ven biển), phát triển các lĩnh vực "hậu cần" cho kinh tế biển và các khu vực kết nối (các ngành phục vụ phát triển kinh tế biển, phát triển khoa học – công nghệ biển, nguồn nhân lực cho kinh tế biển, kết nối tuyến du lịch đất liền,...).

Thứ hai, căn cứ vào quy hoạch xác định các ngành cần ưu tiên phát triển, từ đó tập trung nguồn lực để phát triển các ngành này tạo ra đầu tầu cho kinh tế nói chung và kinh tế biển nói riêng.

Thứ ba, cần có chính sách thu hút đầu tư đặc biệt đối với các ngành kinh tế biển, tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào kinh tế biển của Tỉnh.

Đối với ngành vận tải kho bãi

Cần xác định ưu thế vận tải hiện nay của Bình Định vẫn là vận tải đường bộ. Từ đó nên tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện về pháp lý cho các doanh nghiệp vận tải bộ phát triển. Cụ thể là cần tập trung vốn đầu tư nâng cấp các tuyến đường giao thông huyết mạch của Tỉnh: Quốc lộ 1, Tuyến ven biển ĐT639 (Nhơn Hội, Tam Quan…), để tạo ra mạng lưới giao thông thuận lợi giảm chi phí cho các doanh nghiệp vận tải. Tiếp tục xúc tiến, đẩy nhanh tiến độ cải tạo nâng cấp Quốc lộ 19. Nếu Quốc lộ 19 được nâng cấp thì không những tạo điều kiện giao thông thuận lợi nhất giữa các tỉnh Tây Nguyên và Bình Định, mà từ đó tạo điều kiện tăng trưởng hàng hóa thông qua cảng biển Bình Định và tạo điều kiện cho khách du lịch Tây Nguyên xuống Bình Định để nghỉ dưỡng và du lịch biển.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp các cảng biển theo hướng đồng bộ và hiện đại. Tạo các cơ chế thông thoáng và khuyến khích cho hàng hóa thông qua cảng biển.

Tăng cường thu hút, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ ngành vận tải kho bãi, nhất là các vị trí đòi hỏi chuyên môn sâu như: chuyên gia về Logictic, Hoa tiêu, Điều phối... Có chế độ đãi ngộ thích đáng để thu hút chuyên gia, tránh bình quân chủ nghĩa trong thu nhập để có được các chuyên gia giỏi phục vụ lâu dài cho Tỉnh.

Đối với ngành thủy sản

Thứ nhất, Hoàn thiện chính sách tín dụng cho thủy sản**.** Phải tạo điều kiện cho các hộ ngư dân tiếp cận dễ dàng với nguồn vốn vay chính thức, với lãi suất và thời hạn ưu đãi ở từng giai đoạn cụ thể đối với ngành thủy sản theo chiến lược phát triển của Tỉnh.

Thứ hai, Tăng cường khoa học công nghệ và khuyến ngư. Trong khai thác, ngành thủy sản cần chú trọng phát triển công nghệ gắn với hợp tác quốc tế trên biển. Trong chế biến, đẩy mạnh việc nghiên cứu cũng như nhập các công nghệ sản xuất chế biến tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, tiện dụng đáp ứng yêu cầu thị trường.

Thứ ba, Tỉnh cần phải khuyến khích nhà đầu tư trong, ngoài nước đầu tư kinh doanh thủy sản, nhất là đầu tư vào khu vực sản xuất như khai thác xa bờ, nuôi công nghiệp, sản xuất giống, thức ăn, tiêu thụ sản phẩm và xây dựng cơ sở hạ tầng nghề cá.

Các giải pháp phát triển du lịch

Thứ nhất, nghiên cứu đánh giá một cách toàn diện tiềm năng du lịch biển, đảo của tỉnh, từ đó xây

dựng quy hoạch tổng thể và chiến lược phát triển du lịch. Tỉnh cũng cần có cơ chế, chính sách phù hợp để huy động nguồn lực thuộc mọi thành phần kinh tế để xây dựng đồng bộ và hiện đại cơ sở vật chất, kỹ thuật cho ngành kinh tế du lịch.

- Theo chúng tôi, để có được các sản phẩm du lịch độc đáo, Bình Định nên đầu tư sâu vào du lịch lịch sử và tâm linh kết hợp với du lịch biển. Bởi vì Bình Định là nơi có các di tích hết sức cá biệt và độc đáo về Hoàng Đế Quang Trung, các di tích về đất nước ChamPa, các di tích này cho đến nay chưa phát huy tốt được vai trò của mình về du lịch và quảng bá hình ảnh của quê hương Bình Định.

- Nâng cao chất lượng các đặc sản của Bình Định phục vụ du lịch. Hiện nay Bình Định có nhiều đặc sản như: rượu Bàu đá, bánh ít lá gai, nón lá Gò Găng, dừa Tam Quan, nước mắm Mười Thu… Theo chúng tôi thì cần phải nâng tầm các sản phẩm này theo hướng biến chúng thành các sản phẩm thực sự đặc sắc và khác biệt. Để làm được điều này cần bàn tay các chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn. Tỉnh cần có kế hoạch đầu tư chọn lọc, để nâng tầm các sản phẩm này của địa phương.

Bình Định là một tỉnh có vị trí địa lý thuận lợi để phát triển tốt các ngành kinh tế biển, những năm vừa qua Tỉnh đã có nhiều chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế biển. Kinh tế biển Bình Định đã có sự phát triển tốt ở một số ngành: vận tải kho bãi và thủy sản. Kinh tế biển đã đóng góp ngày càng tăng vào sự phát triển kinh tế của tỉnh Bình Định.

Tuy nhiên, sự phát triển các ngành kinh tế biển Bình Định chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế về tự nhiên của Tỉnh. Vì vậy, tỉnh cần phải xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế biển một cách đồng bộ và hiện đại, để kinh tế biển phát huy được vai trò của mình, đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển kinh tế tỉnh Bình Định.❐

Tài liệu tham khảo

Cục Thống kê Bình Định (2006), *Niên giám thống kê 2005*, NXB Thống kê. Hà Nội.

Cục Thống kê Bình Định (2012), *Niên giám thống kê 2011*, NXB Thống kê. Hà Nội.

Cục Thống kê Bình Định(2013), *Niên giám thống kê 2012*, NXB Thống kê. Hà Nội.

Mullins, P (1991), 'Tourism Urbanisation', *International Journal of Urban and Regional Research,*15, 326-342.

Scott, A.J (2001), 'Globalization and the Rise of City-Regions'**,** *European Planning Studies*, 9, 813-826.

Thompson (1968), *A Preface to Urban Economics,* Baltimore, Johns Hopkins.

Thời báo kinh tế Việt Nam (2013), *Kinh tế 2012-2013 Việt Nam và thế giới*.

The role of coastal economy in economic development of Binh Dinh province

Abstract:

In this study, we evaluate the current situation of the coastal economy and its contribution to the development of Binh Dinh province. We also identify the coastal economy's achievements, limitations as well as the reasons for that. Finally, this paper proposes the direction for development and provides some suggestions to coastal economy development in Binh Dinh province.

Thông tin tác giả:

**** Nguyễn Duy Thục,** tiến sĩ*

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Sài Gòn

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Khoa học trường đại học Quy Nhơn, Tạp chí Kinh tế và Dự báo

- Thông tin liên lạc: Địa chỉ email: duythucdhqn@gmail.com

*****Nguyễn Phương Quỳnh,** thạc sĩ*

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Hoa Sen